SỞ Y TẾ KHÁNH HÒA
**BỆNH VIỆN DA LIỄU TÂM THẦN NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 225 /BVDLTTNT-CLSD
V/v yêu cầu chào giá dịch vụ lập E-HSMT và đánh giá E-HSMT

*Khánh Hòa, ngày* 27 *tháng*10 *năm 2025*

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ lập E-HSMT và đánh giá E-HSMT

Bệnh viện Da liễu - Tâm thần Ninh Thuận có kế hoạch thực hiện gói thầu "Mua sắm thiết bị y tế năm 2025". Kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp dịch vụ tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSMT gói thầu "Mua sắm thiết bị y tế năm 2025" , cụ thể:

| STT | Tên gói thầu | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế năm 2025 | Gói | 01 | *Đính kèm phụ lục danh mục thiết bị y tế mua sắm năm 2025* |

**I. thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

1. Bệnh viện Da liễu – Tâm thần Ninh Thuận, số 30 Phạm Ngũ Lão, phường Bảo An, tỉnh Khánh Hòa.
2. Cách thức tiếp nhận báo giá: Báo giá gửi trực tiếp đến Bệnh viện Da liễu – Tâm thần Ninh Thuận (DS Cẩn).
3. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 14h00 ngày 27/10/2025 đến 14h00 ngày 03/11/2025.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ký.

2. Hồ sơ chào giá gồm: Hồ sơ pháp lý doanh nghiệp, bảng mô tả năng lực, kinh nghiệm, thư chào giá.

Rất mong được sự hợp tác của quý đơn vị./.

***Nơi nhận***:
-Như trên;
-Trang thông tin của BV;
-Lưu: VT, KCLSD.

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH KHÁNH HÒA
BỆNH VIỆN DA LIỄU - TÂM THẦN NINH THUẬN

**Lê Văn Đổng**

# PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA MUA SẮM NĂM 2025

*( Đính kèm Công văn số: /BVDLTTNT-CLSD ngày tháng năm 2025)*

| STT | Tên hàng hóa | ĐVT | Cấu hình/thông số kỹ thuật |
|---|---|---|---|
| 1 | Máy trị liệu da ánh sáng | Máy | - Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau; Xuất xứ: G20<br>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO, KFDA<br>**I. <u>Cấu hình cung cấp:</u>**<br>- 01 máy chính<br>- 01 tay cầm HiPL<br>- 01 tay cầm e-TONING<br>- 03 Bộ lọc<br>- 01Kính cho bác sĩ<br>- 01Kính cho bệnh nhân<br>- 01Cáp nguồn<br>- 01Cầu chì sau máy.<br>- 01 Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh+ tiếng Việt<br>**II. <u>Chi tiết kỹ thuật:</u>**<br>**<u>Tính năng:</u>**<br>- Thực hiện hóa xung dài và xung Q để cải thiện tổn thương sắc tố khác nhau<br>- Mỗi xung có thể điều chỉnh và điều trị tổn thương có thể dựa trên độ rộng xung dài trong chế độ đa xung<br>- Độ rộng xung ngắn hơn nhiều, giúp giảm thiểu đau khi điều trị.<br>- Số xung phát ra không bị giới hạn bởi phần mềm<br>- ≥ 3 bước làm lạnh/mát:<br>- Off: Chỉ có bộ làm lạnh bên trong thiết bị hoạt động<br>- Half: Làm lạnh trung bình<br>- Full: Làm lạnh cao<br>- Chế độ:<br>+ Chế độ chính<br>+ Chế độ xung khác nhau (Single / Dual / Triple / Multi):<br>✓ Single: Có thể điều chỉnh thời gian ON<br>✓ Dual: Có thể điều chỉnh 2 thời gian ON và 1 thời gian OFF<br>✓ Triple: Có thể điều chỉnh 3 thời gian ON và 1 thời gian OFF<br>✓ Multi: Có thể điều chỉnh 1 thời gian ON và 1 thời gian OFF<br>- Tăng/ giảm 1, thay đổi khi giữ nút<br>- Thông số lưu:<br>+ P/W – Chế độ sắc tố<br>+ V/M – Chế độ mạch máu<br>+ R/M – Chế độ trẻ hóa<br>+ H/M – Chế độ triệt long<br>- T/ Counts: Tổng số cú đánh<br>- S/ Count: Bắn trong mỗi lần điều trị<br>- Chờ/ sẵn sàng: Nó sẽ được thay đổi khi đến chế độ sẵn sang khi nhấn nút Standby<br>- Thông tin cảnh báo: |

<table>
<tr><th>STT</th><th>Tên hàng hóa</th><th>ĐVT</th><th>Cấu hình/thông số kỹ thuật</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
+ Interlock: Khi phòng mổ được mở<br>
+ Hệ thống mở: Khi trường hợp được mở trong khi hoạt động<br>
+ Nhiệt độ hệ thống: Khi nhiệt độ bên trong thiết bị đạt đến hơn 40 độ<br>
+ Thiếu nước: Khi mức nước < 1l<br>
+ Không có nước: Khi mực nước < 0,7l hoặc không có nước<br>
+ Nhiệt độ nước: Khi nhiệt độ nước đạt > 45 độ<br>
<u>Thông số kỹ thuật:</u><br>
- Nguồn sáng: Xenon<br>
- Bộ lọc bước sóng: 560, 640, 700 nm (10x40mm)<br>
- Loại xung: (Single/Dual/Triple/Multi)<br>
- Kích thước điểm: ≤ 10x40mm/ 10x15mm<br>
- Làm mát: Hệ thông làm mát bề mặt tiếp xúc và làm mát nước<br>
- Nguồn điện yêu cầu: 220VAC, 50/60Hz<br>
- Loại xung:<br>
+ Tay cầm HiPL: Xung đơn, xung đôi,xung ba, xung đa,<br>
+ Tay cầm e-TONING: Xung đa Q<br>
- Năng lượng xung:<br>
+ Tay cầm HiPL: ≤ 1 ~ ≥ 58 J/cm$^2$<br>
+ Tay cầm e-TONING: ≤ 1 ~ ≥ 60 J/cm$^2$<br>
- Màn hình cảm ứng: ≥ 10.4 inch, độ phân giải ≥ 800 x 600 Pixel<br>
- Thời gian xung:<br>
+ Xung đơn: ≤ 1 - ≥ 35ms<br>
+ Xung đôi, xung ba, xung đa: ≤ 1 - ≥ 35ms<br>
+ E-toning: Micro giây<br>
- Cường độ xung:<br>
+ Single: ≤ 1 – ≥ 30 J/cm$^2$<br>
+ Dual: ≤ 3 – ≥ 60 J/cm$^2$<br>
+ Triple: ≤ 3 – ≥ 60 J/cm$^2$<br>
+ Multi: ≤ 10 – ≥ 60 J/cm$^2$<br>
- Bộ nhớ:
<table>
<tr><th colspan="2">Bộ nhớ:</th><th>Cường độ (J/cm$^2$)</th><th>Thời gian ON/Off</th></tr>
<tr><td>Bất hoạt</td><td>Kích hoạt</td><td>≥ 2.0</td><td>ON: ≥ 1;<br>OFF: ≥ 2</td></tr>
<tr><td>M0</td><td>M0</td><td>≥ 3.0</td><td>ON: ≥ 1;<br>OFF: ≥ 2</td></tr>
<tr><td>M1</td><td>M1</td><td>≥ 4.0</td><td>ON: ≥1;<br>OFF: ≥2</td></tr>
<tr><td>M2</td><td>M2</td><td>≥ 5.0</td><td>ON: ≥ 1;<br>OFF: ≥ 2</td></tr>
<tr><td>M3</td><td>M3</td><td>≥ 6.0</td><td>ON: ≥ 1;<br>OFF: ≥ 2</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Máy phân tích nước</td><td>Máy</td><td>
- Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau; Xuất xứ: G7<br>
- Thiết bị đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA, CE<br>
I. Cấu hình cung cấp:<br>
- Máy chính có gắn sẵn máy in trong máy.
</td></tr>
</table>

| STT | Tên hàng hóa | ĐVT | Cấu hình/thông số kỹ thuật |
|---|---|---|---|
| | tiểu | | - Giấy in.<br>- Dây nguồn.<br>- Hộp que thử nước tiểu 100 que.<br>- Tài liệu hướng dẫn sử dụng máy bằng tiếng Anh.<br>**II. Tính năng và thông số kỹ thuật:**<br>**Tính năng:**<br>- Năng suất cao ≥ 514 xét nghiệm/giờ<br>- Tự động hiệu chỉnh ảnh hưởng của không đặc hiệu, pH, SG và màu sắc trên xét nghiệm kết quả<br>- Tự động thu thập các que thử đã sử dụng<br>- Máy in nhiệt độ ồn thấp tích hợp, có thể kết nối máy in ngoài<br>- Chức năng in: Kết quả có thể được xuất ra thông qua máy in nhiệt tích hợp; có thể hiển thị thông qua màn hình LCD.<br>- Chức năng ghi dữ liệu: Máy phân tích có chức năng lưu trữ và truy vấn kết quả xét nghiệm, dữ liệu vẫn có thể được lưu sau khi mất điện.<br>- Chức năng nhập: Máy phân tích được trang bị các nút hoặc màn hình cảm ứng và có thể nhập thông tin liên quan bằng màn hình LCD.<br>- Chức năng truyền dữ liệu: Kết quả có thể được xuất qua cổng mạng; cũng có thể được tải lên máy chủ thông qua cổng nối tiếp, để kết nối với hệ thống quản lý bệnh viện hoặc để phân tích thêm kết quả xét nghiệm.<br>- Có hệ thống tự kiểm tra khi bật nguồn và báo lỗi tự động. Hệ thống cảnh báo lỗi tự động. Màn hình cảm ứng LCD<br>- Có sẵn vật liệu kiểm soát chất lượng gốc được NMPA chấp thuận<br>- Chức năng báo cáo: Báo cáo kết quả bao gồm hệ thống dấu cộng, hệ thống đơn vị chung và hệ thống đơn vị quốc tế.<br>- Tự kiểm tra khi bật nguồn: Máy phân tích có thể tự kiểm tra sau khi bật nguồn, xác định lỗi và báo cáo thông báo lỗi.<br>- Nhiễm chéo: Kiểm tra mẫu dương tính với nồng độ cao nhất của từng mục ngoại trừ trọng lượng riêng và độ pH, sau đó kiểm tra mẫu âm tính. Mẫu âm tính không được dương tính.<br>- Chức năng báo động: Có chức năng báo động lỗi.<br>- Phần mềm phân tích và xử lý có các chức năng sau:<br>✓ Chức năng kiểm tra bán tự động: phát hiện xem người dùng có đặt que thử hay không và tự động di chuyển que thử dưới đầu máy quét bên trong máy để kiểm tra.<br>✓ Chức năng truy vấn dữ liệu lịch sử: lọc có điều kiện và chỉnh sửa dữ liệu kiểm tra lịch sử.<br>✓ Chức năng nhập dữ liệu và truy vấn: liên kết thông tin bệnh nhân có liên quan, chỉnh sửa và xem thông tin bệnh nhân.<br>✓ Chức năng in báo cáo: tự động in theo thời gian thực hoặc in theo ý muốn dữ liệu đã phát hiện.<br>✓ Cài đặt thông số và cập nhật và nâng cấp phần mềm.<br>- Giao diện menu chính có ba menu sau: |

| STT | Tên hàng hóa | ĐVT | Cấu hình/thông số kỹ thuật |
|---|---|---|---|
| | | | ✓ Kiểm tra: Bao gồm thử nghiệm mẫu và thử nghiệm kiểm soát chất lượng;<br>✓ Yêu cầu: Bao gồm yêu cầu mẫu và yêu cầu kiểm soát chất lượng;<br>✓ Cài đặt: Bao gồm cài đặt thiết bị, cài đặt kiểm soát chất lượng, cài đặt báo cáo, cài đặt hiệu chuẩn, bảo trì.<br>**Thông số kỹ thuật:**<br>- Nguyên lý thử nghiệm: Quang trắc phản xạ<br>- Các thông số được phát hiện: Máu ẩn trong nước tiểu (BLD), Bạch cầu (LEU), Trọng lượng riêng (SG), (pH), Protein (PRO), Urobilinogen (URO), Bilirubin (BIL), Ketone (KET), Glucose (GLU), Nitrit (NIT), Axit ascorbic (VC), Có thể báo cáo microalbumin /Creatinine (ACR)<br>- Thông lượng: ≥ 514 xét nghiệm/giờ<br>- Que thử: ≥ 3 loại (tùy chọn)<br>- Khả năng lặp lại: Kết quả xét nghiệm CV ≤ 1%<br>- Sự chính xác: Sự khác biệt giữa kết quả thử nghiệm và giá trị mục tiêu không quá một mức; không có kết quả âm tính giả khi thử nghiệm với dung dịch tham chiếu dương tính và không có kết quả dương tính giả khi thử nghiệm với dung dịch tham chiếu âm tính<br>- Độ ổn định: Kết quả thử nghiệm CV ≤ 1% khi bật nguồn ≤ 8 giờ<br>- In ấn: máy in nhiệt tích hợp, máy in ngoài (tùy chọn)<br>- Lưu trữ: ≥ 100.000 kết quả kiểm tra<br>- Độ ẩm tương đối: 30% - 80%<br>- Nhiệt độ làm việc: 5-40°C (41-104°F)<br>- Điện áp làm việc: Điện áp xoay chiều 100-240V, 50Hz |
| 3 | Máy ly tâm | Máy | - Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau; Xuất xứ: G7<br>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485<br>**I. <u>Cấu hình cung cấp:</u>**<br>- Máy chính<br>- Rotor góc 12 chỗ x 15ml<br>- Hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh/ Tiếng Việt<br>**II. <u>Chi tiết kỹ thuật:</u>**<br>**Tính năng:**<br>- Tất cả các thông số đều có thể truy cập thông qua các nút và được chọn bằng biến trở. Tất cả các giá trị được chọn trước và hiện tại sẽ được hiển thị vĩnh viễn trên màn hình LCD.<br>- Máy ly tâm được cung cấp năng lượng bởi động cơ chổi than<br>- Bộ vi xử lý với màn hình LCD lớn<br>- Khóa nắp điện<br>- Lựa chọn trước loại rôto<br>- Tự xác định và tắt khi mất cân bằng<br>- Thay đổi rotor dễ dàng<br>- Nhiều loại rôto và phụ kiện<br>- Được sản xuất theo quy định an toàn quốc tế IEC 61010<br>- Hệ thống thông gió được cải tiến giữ cho mẫu luôn mát<br>- Dễ dàng cài đặt chương trình trên bàn phím khi mang găng tay |

| STT | Tên hàng hóa | ĐVT | Cấu hình/thông số kỹ thuật |
|---|---|---|---|
| | | | - Chỉ thị giá trị đặt và giá trị thực<br>- Có chế độ tự động hệ thống tắt mất cân bằng<br>- Có bảo vệ quá tốc độ được tích hợp cho mỗi rôto<br>- Có thể khởi động máy khi đóng nắp máy ly tâm<br>- Trong trường hợp hoạt động có trục trặc, lỗi sẽ xuất hiện trên màn hình, giúp chỉ ra nguyên nhân của sự cố và xử lý ngay.<br>- An toàn cho mẫu của bạn: Ngay cả sau một thời gian ly tâm dài, nhiệt độ của mẫu ≤ 40°C<br>- Ngay cả với đầu ra tốc độ cao ≥ 6,000 vòng/phút, môi trường làm việc không rung với tiếng ồn tối thiểu do độ ổn định cao.<br>**Thông số kỹ thuật:**<br>- Lựa chọn cho cả tốc độ vòng/phút và lực ly tâm, với bước tăng ≥ 50/10<br>- ≥ 10 tốc độ tăng và giảm tốc, khả năng giảm tốc không phanh<br>- Chọn trước thời gian chạy ≤ 10 giây đến ≥ 99 giờ 59 phút hoặc liên tục<br>- Thời gian chạy có thể được lựa chọn trước trong ba phạm vi khác nhau từ ≤ 10 giây đến ≥ 99 giờ 59 phút:<br>✓ Phạm vi từ ≤ 10 giây đến ≥ 59 phút 50 giây theo các bước ≥ 10 giây<br>✓ Phạm vi từ ≤ 1 giờ đến ≥ 99 giờ 59 phút theo các bước ≥ 1 phút<br>✓ Phạm vi chạy liên tục, chỉ có thể bị ngắt bằng phím “stop”<br>- Tốc độ tối đa: ≥ 6,000 vòng/phút<br>Lực ly tâm tối đa: ≥ 4,427 xg<br>Thể tích tối đa: ≥ 6 x 50 ml<br>Tốc độ cài đặt: ≤ 200 - ≥ 6,000 vòng/phút<br>- Mật độ cho phép: ≥ 1,2 kg/dm$^3$<br>- Động năng cho phép: ≥ 2427 Nm<br>- Thời gian chạy:<br>✓ ≥ 59 phút 50 giây /cài đặt 10 giây<br>✓ ≥ 99 giờ 59 phút / cài đặt 1 phút<br>- Nhiễu sóng vô tuyến: IEC 61326-1<br>- Phân loại quá áp (IEC 60364-4-443): II<br>- Mức độ ô nhiễm: ≥ 2<br>- Cấp bảo vệ: ≥ I<br>- EMV phát xạ nhiễu, khả năng chống ồn: EN / IEC 61326-1 Loại B, FCC Loại B<br>- Mức độ tiếng ồn (tùy thuộc vào rôto): ≤ 60 ±2 dB(A)<br>- Tiêu thụ dòng điện: ≤ 0,55 A<br>- Tiêu thụ điện năng: ≤ 100 W<br>- Nguồn điện AC: 230 V / 50 Hz<br>- Nhiệt độ môi trường xung quanh: ≤ 2°C đến ≥ 35 °C<br>- Độ ẩm tương đối tối đa: ≥ 80% đối với nhiệt độ ≥ 31°C, giảm tuyến tính ≥ 50% độ ẩm tương đối lên đến ≥ 35°C |
| 4 | Tủ lạnh chuyên dụng | Cái | Hàng mới 100%, sản xuất 2024 trở về sau<br>Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001 hoặc ISO 13485<br>**I. <u>Cấu hình cung cấp:</u>**<br>- Máy chính: 01 cái |

| STT | Tên hàng hóa | ĐVT | Cấu hình/thông số kỹ thuật |
|---|---|---|---|
| | | | - Kệ đỡ mẫu: 06 cái<br>- Chìa khóa tủ: 01 bộ<br>- Hướng dẫn sử dụng: 01 quyển<br>**II. <u>Chi tiết kỹ thuật:</u>**<br>**Tính năng:**<br>- Tủ lạnh bảo quản dược phẩm với chất làm lạnh tự nhiên<br>- Kết hợp với công nghệ Inverter<br>- Bảng điệu khiển OLED:<br>✓ Bộ điều khiển vi xử lý và màn hình OLED<br>✓ Các phím điều khiển cho phép điều khiển thuận tiện mà lại an toàn<br>✓ Nhiệt độ tủ lạnh có thể được hiển thị ở mức ≤ 0.1°C.<br>✓ Nhiệt độ tối thiểu / tối đa được hiển thị tự động ≥ 12/24 giờ một lần.<br>✓ Tất cả các điều kiện cảnh báo được hiển thị và ghi lại.<br>- Báo động bằng hình ảnh và âm thanh có thể điều chỉnh, cùng với chẩn đoán hệ thống tích hợp và giám sát hiệu suất dự đoán.<br>- Bảng điều khiển được bảo vệ bằng mật khẩu cung cấp khả năng bảo mật và giảm thiểu rủi ro thay đổi ngẫu nhiên.<br>- Lịch sử báo động và hoạt động có thể được tải lên qua cổng USB<br>- Cửa kính dạng trượt để tăng hiệu quả sử dụng năng lượng và bảo vệ các vật phẩm được lưu trữ chống lại sự truyền nhiệt qua cửa. Cửa kính được cấu tạo từ một ô kính kép, nơi khí argon được sử dụng để lấp đầy khoảng trống 12 mm. Cùng với các lỗ thông hơi gần ray cửa kính trượt ngăn chặn sự hình thành hơi ẩm và có thể ngăn chặn truy cập trái phép bằng cách sử dụng chìa khóa trên cửa<br>- Công tắc cửa: Công tắc này phát hiện trạng thái đóng/mở cửa. Đèn LED màu đỏ nhấp nháy khi cửa mở.<br>- Lỗ thông gió: Đây là lỗ thông gió để lưu thông không khí trong buồng.<br>- Lỗ thông hơi thoát khí: Đây là lỗ thông hơi thoát khí để lưu thông không khí trong buồng.<br>- Thiết bị đầu cuối báo động từ xa (mặt sau): Có thể kết nối thiết bị báo động từ xa (có sẵn riêng) với thiết bị đầu cuối này. Báo động từ xa sẽ chuyển tiếp báo động đến người vận hành<br>- Có tính năng rã đông tự động, kích hoạt điện tử. Dàn lạnh luôn hoạt động ở trên mức đóng băng, ngăn không cho vaccine và vật phẩm phòng thí nghiệm bị đóng băng<br>- Đèn LED bên trong tự động bật/tắt khi cửa mở/đóng, cũng có thể được điều khiển từ bảng điều khiển<br>- Chất làm lạnh tự nhiên, máy nén và thiết bị điện tử tích hợp kết hợp để đạt được các mục tiêu về tính bền vững của cơ sở bằng cách giảm thiểu mọi tác động đến môi trường mà không ảnh hưởng đến hiệu suất làm lạnh, khả năng chịu đựng xung quanh và thời gian phục hồi sau khi mở cửa.<br>- Có các chức năng báo động và chức năng tự chẩn đoán<br>- Mã lỗi và thông báo lỗi được hiển thị trên cột thông báo khi báo động hoặc chức năng tự chẩn đoán tắt. |

| STT | Tên hàng hóa | ĐVT | Cấu hình/thông số kỹ thuật |
|---|---|---|---|
| | | | - Một bất thường (giảm nhiệt độ buồng) được chỉ ra bằng cách nhấp nháy đèn LED màu đỏ và màn hình hiển thị nhiệt độ buồng và tiếng còi báo động (≤ 15 phút sau khi nhấp nháy) nếu nhiệt độ buồng giảm xuống dưới giá trị cài đặt của báo động nhiệt độ thấp.<br>- Phạm vi cài đặt cho báo động nhiệt độ thấp: ≤ 2 ºC đến ≥ 14 ºC thấp hơn nhiệt độ cài đặt của buồng<br>- Cài đặt ban đầu (cài đặt gốc): ≤ 5 ºC so với nhiệt độ cài đặt của buồng<br>- Đèn LED màu đỏ nhấp nháy và "cửa trễ bật" hiển thị khi cửa mở. Sau một khoảng thời gian trễ, màn hình sẽ chuyển thành "cửa mở" và tiếng còi sẽ kêu để báo hiệu cửa mở.<br>- Có thể thay đổi thời gian trễ (giữa thời điểm đèn LED màu đỏ nhấp nháy và tiếng còi báo động). Đặt thời gian trễ phù hợp theo điều kiện sử dụng để ngăn nhiệt độ buồng tăng do cửa mở quá lâu.<br>- Cài đặt phạm vi thời gian trễ: ≤ 0 đến ≥ 15 phút<br>- Cài đặt ban đầu (cài đặt gốc): ≥ 2 phút<br>**Thông số kỹ thuật**<br>- Dung tích: ≥ 345 lít<br>- Khối lượng: ≤ 105kg<br>- Khoảng nhiệt độ điều khiển: ≤ 2 ºC – ≥ 14 ºC<br>- Bộ điều khiển: Bộ vi xử lý với bộ nhớ tĩnh điện<br>- Hiển thị: Kỹ thuật số (đồ họa trắng OLed), 1°C (mức hiển thị 0.1)<br>- Cảm biến nhiệt độ: Nhiệt điện trở<br>- Phương pháp làm lạnh: Tuần hoàn khí bằng quạt<br>- Phương pháp rã đông: Rã động theo chu kỳ + rã đông chủ động<br>- Chất làm lạnh: HC<br>- Cách nhiệt: PUF (Lớp cách nhiệt polyurethane bọt cứng)<br>- Vật liệu bên trong, ngoài: Thép được sơn phủ<br>- Cửa ngoài: ≥ 2 cửa (Cửa kính chịu lực 2 lớp cách nhiệt cao)<br>- Khóa cửa ngoài: Có<br>- Kệ: ≥ 6 kệ thép lưới<br>- Tải tối đa mỗi kệ: ≥ 20 kg<br>- Cổng kết nối: ≥ 1<br>- Vị trí cổng kết nối: Mặt sau<br>- Đường kính cổng kết nối: ≥ Ø 30 mm<br>- Bánh xe: ≥ 4 (2 chân điều chỉnh)<br>- Đèn bên trong: LED<br>- Báo động: Hình ảnh, âm thanh, tin nhắn, báo động từ xa<br>- Độ ồn: 38 dB<br>- Nguồn điện: 220V/ 230V/ 240 V, 50Hz |